TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																		TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH11802339	Nguyễn Hoài	Ân	D18_CDT01																									5.25	6.22	9.00	5.70	1.43		5.21	5.03	71/107	30/47				ĐẠT	DH18
2	DH11802082	Nguyễn Văn	Cảnh	D18_CDT01																									4.65	3.91	0.00	5.57	6.20	3.00	5.48	5.38	83/107	39/47				ĐẠT	DH18
3	DH11801931	Nguyễn Quang	Duy	D18_CDT01																									5.15	4.35	5.00	5.26	6.10	3.00	5.33	5.41	93/107	42/47				ĐẠT	DH18
4	DH11800398	Nguyễn Phùng Trọng	Đức	D18_CDT01																									5.05	4.61	5.00	4.96	5.64		5.57	5.36	82/107	38/47				ĐẠT	DH18
5	DH11801012	Đồng Xuân	Hào	D18_CDT01																									4.95	4.78		5.04	5.34	3.86	5.10	5.26	86/107	39/47				ĐẠT	DH18
6	DH11802398	Lê Ngọc	Hậu	D18_CDT01																									6.10	6.70		5.96	5.85		6.14	6.16	99/107	44/47				ĐẠT	DH18
7	DH11800832	Đặng Trọng	Hiệp	D18_CDT01																									4.65	4.17		4.83	5.40	4.80	5.33	4.97	75/107	35/47				ĐẠT	DH18
8	DH11802083	Lê Huy	Hoàng	D18_CDT01																									5.15	4.35	6.00	5.30	5.55	5.00	5.43	5.31	85/107	40/47				ĐẠT	DH18
9	DH11800831	Lê Quốc	Huy	D18_CDT01																									4.80	4.26		5.30	5.04	5.60	5.14	5.10	78/107	36/47				ĐẠT	DH18
10	DH11801086	Nguyễn Tấn	Hưng	D18_CDT01																									5.55	4.96	8.00	5.78	5.91	4.00	6.10	5.92	91/107	41/47				ĐẠT	DH18
11	DH11801000	Bùi Nguyễn Trọng	Khanh	D18_CDT01																									4.75	5.09		5.26	5.35		5.29	5.21	74/107	35/47				ĐẠT	DH18
12	DH11800297	Lê Đình	Khôi	D18_CDT01																									6.00	5.91		5.96	5.95		5.14	5.79	93/107	41/47				ĐẠT	DH18
13	DH11800352	Hoàng Ngọc	Linh	D18_CDT01																									5.30	4.70	5.29	5.17	5.67	2.00	5.29	5.47	81/107	37/47				ĐẠT	DH18
14	DH11801403	Dương Phạm Hoàng	Long	D18_CDT01																									3.65	4.43	6.75	5.00	4.00	5.00	5.38	5.01	58/107	29/47				ĐẠT	DH18
15	DH11801210	Trương Quang	Lợi	D18_CDT01																									6.45	5.87		5.96	4.83		4.62	5.61	75/107	35/47				ĐẠT	DH18
16	DH11801025	Hồng Cẩm	Nguyên	D18_CDT01																									4.50	4.74		5.26	5.14	3.29	5.19	5.16	71/107	33/47				ĐẠT	DH18
17	DH11801615	Lê Thanh	Nhàn	D18_CDT01																									4.50	4.87	7.00	5.61	5.84	4.00	6.46	5.96	90/107	41/47				ĐẠT	DH18
18	DH11801330	Nguyễn Thanh	Phong	D18_CDT01																									3.15	3.30		3.91	2.08		0.00	2.84	22/107	11/47	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
19	DH11800868	Nguyễn Thanh	Phương	D18_CDT01																									4.65	4.57		4.30	4.96	7.00	5.36	5.16	77/107	37/47				ĐẠT	DH18
20	DH11801178	Đỗ Tấn	Sang	D18_CDT01																									4.65	4.65	4.43	4.87	5.35	3.00	5.43	5.16	72/107	34/47				ĐẠT	DH18
21	DH11701439	Sử Thanh	Tín	D18_CDT01																						1.86	0.00		0.67	4.26		4.87	5.18		3.86	3.72	56/107	26/47	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
22	DH11802008	Ngô Lê	Trang	D18_CDT01																									5.00	4.35	5.43	5.00			3.88	4.92	58/107	27/47				ĐẠT	DH18
23	DH11801059	Trần Nhã	Trúc	D18_CDT01																									4.45	4.61	6.43	6.04	6.25	4.33	6.52	6.12	99/107	44/47				ĐẠT	DH18
24	DH11806427	Nguyễn Thành	Tuân	D18_CDT01																									4.80	3.48		4.26	4.80	4.33	5.65	4.94	68/107	31/47				ĐẠT	DH18
25	DH11805940	Dương Minh	Tuấn	D18_CDT01																									4.00	5.04	6.29	5.04	5.05		5.67	5.28	80/107	37/47				ĐẠT	DH18
26	DH11803192	Nguyễn Thanh	Cao	D18_CDT02																									5.90	6.13		6.30	5.26		6.33	6.07	95/107	42/47				ĐẠT	DH18
27	DH11802851	Phạm Kỳ	Chân	D18_CDT02																									4.20	4.00		4.39	4.85		4.96	4.52	56/107	28/47				ĐẠT	DH18
28	DH11804388	Khương Khánh	Diện	D18_CDT02																									6.65	7.52		6.39	7.15		7.33	7.01	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
29	DH11806484	Ngô Chí	Dũng	D18_CDT02																									5.75	5.48		5.26	5.75		4.70	5.50	82/107	37/47				ĐẠT	DH18
30	DH11801098	Đỗ Nguyễn	Duy	D18_CDT02																									4.75	4.26	5.11	5.00	5.00		5.57	5.21	77/107	36/47				ĐẠT	DH18
31	DH11803495	Võ Lê Trùng	Dương	D18_CDT02																									4.70	5.39		5.74	5.04		5.38	5.34	73/107	34/47				ĐẠT	DH18
32	DH11800935	Cao Mạnh	Đức	D18_CDT02																									5.00	4.26	6.14	3.70	5.32		5.75	5.11	80/107	38/47				ĐẠT	DH18
33	DH11800910	Trần Hoàng	Gia	D18_CDT02																									5.65	5.65	7.00	5.70	5.30		5.70	5.80	98/107	44/47				ĐẠT	DH18
34	DH11806468	Nguyễn Vũ Trường	Giang	D18_CDT02																									5.20	4.00	0.00	4.96	5.19		4.50	5.09	66/107	33/47				ĐẠT	DH18
35	DH11804630	Nguyễn Thái	Hiếu	D18_CDT02																									7.60	6.87		6.78	6.61		7.33	7.10	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
36	DH11804767	Phùng Đăng	Huy	D18_CDT02																									5.50	5.13		5.65	5.61		5.81	5.79	99/107	44/47				ĐẠT	DH18
37	DH11803049	Nguyễn Nhựt	Khang	D18_CDT02																									4.90	4.65		5.61	5.07		6.42	5.76	87/107	41/47				ĐẠT	DH18
38	DH11804180	Ngô Văn	Linh	D18_CDT02																									5.65	5.70	8.00	5.96	5.52		6.30	6.10	98/107	44/47				ĐẠT	DH18
39	DH11803583	Nguyễn Thành	Long	D18_CDT02																									4.70	3.39	6.00	5.58	5.82	5.00	5.96	5.52	91/107	42/47				ĐẠT	DH18
40	DH11801223	Lê Công	Minh	D18_CDT02																									3.85	4.04		5.52	4.61		4.46	4.71	57/107	29/47				ĐẠT	DH18
41	DH11803187	Trần Lâm	Quyền	D18_CDT02																									5.25	4.17		4.96	4.85		5.09	4.89	70/107	33/47				ĐẠT	DH18
42	DH11803671	Đặng Minh	Tâm	D18_CDT02																									4.95	4.04	7.00	5.61	5.78		6.96	5.85	91/107	42/47				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
43	DH11802558	Hoàng Kim Nhật	Tân	D18_CDT02																									3.05	4.04	4.73	3.43	5.25	4.00	5.54	4.68	54/107	28/47				ĐẠT	DH18
44	DH11805616	Vũ Đức	Thắng	D18_CDT02																									7.30	7.26		6.65	6.20		7.14	6.92	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
45	DH11802535	Nguyễn Quang	Thư	D18_CDT02																									4.70	5.04	0.00	5.04	5.00		5.04	5.14	73/107	35/47				ĐẠT	DH18
46	DH11801860	Lê Văn	Toàn	D18_CDT02																									4.55	4.17	0.00	5.09	5.19		5.52	5.02	73/107	35/47				ĐẠT	DH18
47	DH11803644	Lê Minh	Trường	D18_CDT02																									6.80	7.39		7.87	7.13		7.48	7.44	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
48	DH11803215	Hồ Anh	Tú	D18_CDT02																									5.60	4.61	3.89	6.00	5.30		5.63	5.58	74/107	35/47				ĐẠT	DH18
49	DH11801580	Lê Phạm Hoàng	Vĩ	D18_CDT02																									5.50	5.17	6.00	6.00	5.85		5.65	5.82	90/107	41/47				ĐẠT	DH18
50	DH11804342	Trần Toàn	Bảo	D18_CDT03																									8.00	7.48		7.91	7.05		7.76	7.64	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
51	DH11804414	Đinh Nguyễn Khương	Duy	D18_CDT03																									4.85	4.87		4.65	1.87		0.00	3.37	46/107	20/47	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
52	DH11804570	Trần Tú	Hào	D18_CDT03																									6.50	7.00		6.04	6.17		7.35	6.74	104/107	46/47				ĐẠT	DH18
53	DH11804682	Lưu Lập	Hòa	D18_CDT03																									6.15	5.91		5.78	4.17		6.29	5.71	84/107	38/47				ĐẠT	DH18
54	DH11804692	Dương Gia	Hoàng	D18_CDT03																									5.40	5.52	7.00	5.91	5.74		6.81	6.04	96/107	43/47				ĐẠT	DH18
55	DH11804742	Bùi Quang	Huy	D18_CDT03																									4.80	4.83	5.86	5.22	6.09		5.43	5.59	87/107	40/47				ĐẠT	DH18
56	DH11804861	Châu Tú	Khải	D18_CDT03																									6.35	5.04		6.08	5.04		5.81	5.79	91/107	41/47				ĐẠT	DH18
57	DH11803810	Nguyễn Duy	Khang	D18_CDT03																									6.05	5.13		6.17	6.12		6.10	6.11	100/107	44/47				ĐẠT	DH18
58	DH11804837	Phạm An	Khang	D18_CDT03																									5.40	5.39	4.00	6.30	6.30		6.57	6.15	98/107	44/47				ĐẠT	DH18
59	DH11804983	Nguyễn Khánh	Linh	D18_CDT03																									6.25	5.96		6.09	6.39		7.17	6.51	102/107	45/47				ĐẠT	DH18
60	DH11805014	Huỳnh Thành	Long	D18_CDT03																									5.95	5.83		5.87	6.00		6.04	6.03	93/107	42/47				ĐẠT	DH18
61	DH11804159	Văn Quang Bảo	Long	D18_CDT03																									5.05	5.13	0.00	4.19	6.13		5.80	5.54	80/107	37/47				ĐẠT	DH18
62	DH11805306	Châu Mạnh	Phát	D18_CDT03																									7.30	7.57	9.00	6.78	6.85		7.05	7.25	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
63	DH11805340	Nguyễn Thanh	Phong	D18_CDT03																									4.95	5.30	6.43	5.57	5.22		6.21	5.78	96/107	43/47				ĐẠT	DH18
64	DH11805516	Võ Minh	Tâm	D18_CDT03																									6.60	7.04		6.78	5.95		6.52	6.60	105/107	46/47				ĐẠT	DH18
65	DH11800985	Phạm Hoàng	Tấn	D18_CDT03																									5.45	3.96	6.00	5.26	4.83		3.90	4.79	70/107	31/47				ĐẠT	DH18
66	DH11805565	Tô Đức	Thành	D18_CDT03																									7.15	6.57		6.26	5.75		6.52	6.51	99/107	44/47				ĐẠT	DH18
67	DH11805749	Nguyễn Hoàng	Tiến	D18_CDT03																									6.05	6.91		6.22	5.90		6.57	6.35	103/107	45/47				ĐẠT	DH18
68	DH11805745	Nguyễn Trương Trường	Tiến	D18_CDT03																									4.50	3.87	3.57	5.57	4.96		2.33	4.37	56/107	25/47	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
69	DH11803898	Trần Quốc	Toàn	D18_CDT03																									5.10	5.83	6.71	6.57	6.45		6.96	6.45	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
70	DH11805920	Trần Minh	Trường	D18_CDT03																									3.95	3.26		3.26	4.20		2.95	3.63	38/107	20/47	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
71	DH11806028	Hoắc Thế	Vinh	D18_CDT03																									6.10	4.87	6.00	5.63	5.15		5.19	5.67	91/107	40/47				ĐẠT	DH18
72	DH11804522	Lê Quốc	Đạt	D18_CDT04																									6.20	5.13	5.00	5.65	5.35		5.90	5.73	92/107	41/47				ĐẠT	DH18
73	DH11803034	Phan Nhật	Đăng	D18_CDT04																									6.10	5.83		6.52	6.50		6.76	6.34	107/107	47/47				ĐẠT	DH18
74	DH11804491	Phan Anh	Đức	D18_CDT04																									5.65	4.26	6.14	5.62	5.09		5.86	5.50	92/107	42/47				ĐẠT	DH18
75	DH11804709	Lâm Trung	Hậu	D18_CDT04																									6.05	3.83	5.00	5.39	6.13		5.76	5.50	92/107	42/47				ĐẠT	DH18
76	DH11800961	Hồ Trung	Hiếu	D18_CDT04																									5.75	4.61		4.22	5.13		6.10	5.35	80/107	39/47				ĐẠT	DH18
77	DH11802914	Nguyễn Hữu Quang	Huy	D18_CDT04																									5.90	4.48		5.22	5.52		5.48	5.34	84/107	39/47				ĐẠT	DH18
78	DH11804824	Dương Gia	Khang	D18_CDT04																									6.35	5.52		6.43	6.65		7.29	6.50	105/107	46/47				ĐẠT	DH18
79	DH11804940	Trần Thanh	Lâm	D18_CDT04																									5.90	5.74	7.00	5.57	6.05		6.00	5.99	91/107	41/47				ĐẠT	DH18
80	DH11800578	Lưu Thiên	Long	D18_CDT04																									5.35	3.35	6.33	5.26	5.72		6.24	5.39	85/107	40/47				ĐẠT	DH18
81	DH11805048	Võ Hoàng	Long	D18_CDT04																									5.55	4.57	5.00	5.78	5.63		5.81	5.76	95/107	43/47				ĐẠT	DH18
82	DH11801976	Trương Hoài	Nam	D18_CDT04																									5.85	3.35		4.70	4.85	4.20	5.33	5.07	71/107	35/47				ĐẠT	DH18
83	DH11802469	Trần Văn	Nhất	D18_CDT04																									6.50	4.96		5.22	6.24		5.86	5.91	103/107	45/47				ĐẠT	DH18
84	DH11805448	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D18_CDT04																									6.70	4.78		6.09	5.52		6.14	5.96	95/107	43/47				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
85	DH11800036	Hà Kiến Minh	Tân	D18_CDT04																									5.80	3.91		5.09	5.39	4.00	5.81	5.27	83/107	39/47				ĐẠT	DH18
86	DH11803967	Lê Giang	Thành	D18_CDT04																									5.70	4.70		5.14	4.78	8.00	5.87	5.62	87/107	40/47				ĐẠT	DH18
87	DH11805525	Trần Phú	Thọ	D18_CDT04																									8.10	6.70		7.78	6.70		7.14	7.28	105/107	46/47				ĐẠT	DH18
88	DH11801541	Võ Ngọc Gia	Thoại	D18_CDT04																									6.10	6.17		6.83	5.87		6.52	6.39	100/107	44/47				ĐẠT	DH18
89	DH11806290	Lương Tiến	Thông	D18_CDT04																									5.25	3.91	3.57	5.81	6.05		5.52	5.34	68/107	34/47				ĐẠT	DH18
90	DH11805781	Nguyễn Hoàng Phước	Toàn	D18_CDT04																									5.80	5.48		6.00	6.00	4.00	6.19	6.01	94/107	42/47				ĐẠT	DH18
91	DH11805789	Trương Quốc	Toàn	D18_CDT04																									6.40	3.74		4.23	3.48		5.61	4.84	70/107	32/47				ĐẠT	DH18
92	DH11800033	Hà Văn	Trung	D18_CDT04																									5.95	3.65		5.57	5.91	3.00	5.87	5.50	82/107	38/47				ĐẠT	DH18
93	DH11802868	Trương Nhật	Trường	D18_CDT04																									4.45	4.83	6.00	4.43	6.10		5.95	5.39	75/107	35/47				ĐẠT	DH18
94	DH11804035	Nguyễn Minh	Tuấn	D18_CDT04																									4.30	3.39	3.56	4.52	5.14		5.24	4.60	62/107	31/47				ĐẠT	DH18
95	DH11806041	Tất Gia	Vinh	D18_CDT04																									4.00	1.70		0.74	0.35		3.24	2.02	18/107	10/47	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
96	DH11806002	Trần Huỳnh Thiện	Vỹ	D18_CDT04																									7.85	6.39		3.09	6.65		7.22	6.30	93/107	41/47				ĐẠT	DH18

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101	năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102	năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103	năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111	năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP:	Nợ học phí	[7] DC:	Đình chỉ học tập
[2] KoDKMH:	Không đăng ký môn học	[8] TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập
[3] CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	[9] NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
[4] BTH:	Buộc thôi học	[10] TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân
[5] CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	[11] DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[6] CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập	[*]	Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**